

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030**

#### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT**

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số.

- Phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số là một trong những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng trong tình hình mới của nền kinh tế hội nhập, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội. Phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số phải được thực hiện một cách đồng bộ các chính sách liên quan đến việc phát triển quy mô và nâng cao chất lượng dân số, các chính sách về chăm sóc sức khỏe nhân dân, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo..., các chính sách phân bổ, sử dụng nhân lực và kể cả các chính sách khuyến khích, động viên người lao động tự lực vươn lên. Thực hiện xã hội hoá mạnh mẽ, nhất là nâng cao vai trò tự chủ của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị, các tổ chức sự nghiệp và các thành phần kinh tế, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài huyện cho quá trình phát triển nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số trên địa bàn.

- Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/9/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết 52); Kế hoạch số 4506/KH-UBND ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2030; Công văn số 271/BDT-CSĐT ngày 29/6/2016 của Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 52/NQ-CP của Chính phủ; Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai đã triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số theo Nghị quyết 52/NQ-CP của huyện, nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể lực, dân trí, tay nghề, góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn. Ngoài ra, UBND huyện cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo Đề án 1956 huyện tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 22/2/2018 để triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

- Để triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 52, UBND huyện chỉ đạo các ngành liên quan (nhất là: Phòng Dân tộc, Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục – ĐT, Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, Phòng Lao động – TBXH) phối hợp với các xã, thị trấn tăng cường phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào dân tộc thiểu số về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, Nghị quyết số 52/NQ-CP; tăng cường hoạt động thông tin cơ sở, nhằm đẩy mạnh việc cung cấp thông tin tới người dân vùng dân tộc thiểu số, nâng cao nhận thức về chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho nhân dân, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong việc thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần thực hiện và hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2015-2020 đã đề ra.

## 2. Các chính sách do địa phương ban hành thực hiện Nghị quyết:

Trong thời gian qua, trên cơ sở các chính sách, quy định của Trung ương, của Tỉnh và hướng dẫn cụ thể của các Sở ban ngành, huyện đã kịp thời xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án lồng ghép triển khai thực hiện Nghị quyết, không ban hành chính sách đặc thù riêng của địa phương.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết (so sánh các chỉ tiêu trước khi thực hiện Nghị quyết (*lấy chỉ tiêu đầu năm 2016*) và kết quả sau khi thực hiện Nghị quyết (*lấy chỉ tiêu năm 2020 và chỉ tiêu năm 2021(nếu có)*).

- Về thể lực:

+ Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người DTTS: 14,3 %.

+ Tuổi thọ bình quân của các DTTS: 73 tuổi.

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em DTTS dưới 5 tuổi: 8,5%

- Về trí lực

+ Tỷ lệ trẻ em DTTS trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non: 94,1%

+ Tỷ lệ học sinh DTTS đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông: 96,3%

+ Số sinh viên DTTS (đại học, cao đẳng)/vạn dân: 130/vạn dân.

+ Số học viên DTTS được đào tạo sau đại học: 0 người (*chủ yếu cá nhân tự học tập nâng cao trình độ*).

+ Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo chương trình giáo dục nghề nghiệp: 35%.

- Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường: 1.000 lao động/năm.

+ Số người DTTS được tham gia giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế: 200 người (được cử đi học các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, học tập nghị quyết).

+ Số người DTTS trong độ tuổi lao động được cung cấp thông tin thị trường: 20.000 lao động (*Trung bình mỗi năm phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh mở 02-03 phiên giao dịch việc làm và cung cấp thông tin thị trường lao động trong và ngoài nước*).

2. Kết quả thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số do địa phương ban hành.

Ia Grai là huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, có gần 50% dân số là đồng bào DTTS, nên Cấp ủy, chính quyền luôn xác định, đầu tư cho nguồn nhân lực là đầu tư cho phát triển, nhằm nâng cao phát triển toàn diện nguồn nhân lực các dân

tộc thiểu số về thể lực, trí lực và tác phong, kỹ luật, kỹ năng nghề nghiệp, cơ cấu hợp lý, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số có nguồn nhân lực còn hạn chế để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, nhu cầu thị trường lao động hiện tại và tương lai; xây dựng đội ngũ tri thức, doanh nhân, cán bộ người dân tộc thiểu số và lao động trực tiếp có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng an ninh quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, Nghị quyết HĐND huyện giai đoạn 2015-2020, UBND huyện đã xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết trên các lĩnh vực liên quan đến phát triển nguồn nhân lực như: y tế, giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ, công chức, viên chức các cấp và đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

### *2.1. Về công tác dân số, y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân:*

Toàn huyện có Trung tâm Y tế huyện và 13 trạm y tế xã, với 150 giường bệnh, trong đó có 13/13 trạm Y tế xã đã đạt chuẩn Quốc gia; Toàn ngành Y tế hiện có 152 cán bộ, y, bác sĩ, trong đó có 38 cán bộ y tế là người dân tộc thiểu số, chiếm 25%; có 08/13 xã, thị trấn có bác sĩ; bình quân 2,1 bác sĩ/1 vạn dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được trang bị, đầu tư phần nào đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; 100% thôn làng có nhân viên y tế thôn bản; thực hiện tốt công tác y tế dự phòng và kiểm soát được các loại dịch bệnh như sốt rét, bấu cổ, lao, bệnh phong....; chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế đã được nâng lên, hạn chế tình trạng chuyển lên tuyến trên. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được tuyên truyền, phổ biến sâu rộng thông qua các đợt chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản, nhờ đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm, góp phần tích cực nâng cao chất lượng cuộc sống.

Các biện pháp phòng chống dịch bệnh được triển khai đồng bộ, quyết liệt; thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi tình hình dịch bệnh để phát hiện và xử lý kịp thời. Cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh được quan tâm đầu tư xây dựng; đội ngũ y, bác sĩ ngày càng nâng cao về năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp. Công tác y tế dự phòng được triển khai đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển. Các chương trình y tế quốc gia, tiêm chủng mở rộng, phòng chống bệnh xã hội được triển khai có hiệu quả<sup>1</sup>.

Chính sách về bảo hiểm y tế tiếp tục được quan tâm thực hiện, nhất là công tác cấp thẻ, hỗ trợ về chi phí, khám chữa bệnh cho người nghèo, đối tượng xã hội, trẻ em dưới 6 tuổi. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của người dân tăng dần qua các năm<sup>2</sup>, đến nay tỷ lệ bảo phủ bảo hiểm y tế đạt 92,8%. Công tác dân số, sức khỏe sinh sản được thực hiện thường xuyên, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng dân số; tỷ lệ tăng dân số giảm dần qua các năm (năm 2015 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên

<sup>1</sup> tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đủ liều năm 2016 đạt 95%, đến năm 2020 đạt 96%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng năm 2015 là 17% đến năm 2020 giảm xuống còn 14,6%; 100% xã, thị trấn có bác sĩ (tăng 30,8% so với đầu nhiệm kỳ); có 13/13 xã, thị trấn có trạm y tế xã, y tế thôn, làng.

<sup>2</sup> Năm 2016 tỷ lệ tham gia BHYT là 81,52%, năm 2017 là 84,83%, năm 2018 là 89,13%, năm 2019 là 90,45% và năm 2020 là 92,8%

là 1,48%, năm 2020 giảm xuống còn 1,43%), dân số trung bình toàn huyện năm 2020 là 105.350 người; phần lớn phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được tư vấn, khám và chăm sóc sức khỏe thường xuyên. Công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng, nhất là các dịp Lễ, Tết, các cơ sở kinh doanh chế biến thực phẩm, các bếp ăn tập thể; qua đó, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm, trong nhiều năm qua trên địa bàn huyện không để xảy ra vụ việc ngộ độc thực phẩm lớn.

*2.2. Về công tác giáo dục nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho nhân dân:*

Chất lượng giáo dục được nâng lên, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục đảm bảo trình độ chuyên môn, đáp ứng công tác quản lý, giảng dạy; Quy mô trường lớp, học sinh và đội ngũ giáo viên tăng từng năm đến nay, toàn huyện có 50 đơn vị trường học,<sup>3</sup> với trên 26.500 học sinh; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến lớp cao. Tỷ lệ huy động trẻ em đi học ở lứa tuổi mẫu giáo đạt 94,1%; Tiểu học đạt 99,7%, tăng 1,7% so với Nghị quyết. Trung học cơ sở đạt 98,9%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng tăng hàng năm; cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư từng bước đáp ứng yêu cầu dạy và học ở các cấp học; 13/13 xã, thị trấn hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn được chú trọng, tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo; Có 28 đơn vị trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 56% trên tổng số trường học trên địa bàn. Công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm, nhất là xã hội hóa đối với giáo dục mầm non.

Công tác đào tạo nghề và hướng nghiệp cho học sinh và lao động nông thôn được thực hiện thường xuyên, hiệu quả và thực chất hơn; nhiều học sinh ra trường đã có việc làm; công tác đào tạo nghề cho lao động được quan tâm và tổ chức đào tạo với các ngành nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động, sau khi học nghề người lao động có việc làm ổn định, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 50% trong năm 2019, năm 2020 là 55%; ngoài ra đã liên kết mở các loại hình đào tạo theo nhu cầu, góp phần nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động, nhất là ở cơ sở.

Chú trọng công tác giới thiệu, tạo việc làm cho lao động nông thôn, nhất là người dân tộc thiểu số, bằng nhiều kênh khác nhau, như: đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn ưu tiên tuyển dụng lao động tại chỗ vào làm công nhân, cho vay vốn giải quyết việc làm, giới thiệu xuất khẩu lao động, tạo việc làm qua việc thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn, ngoài ra phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh mở phiên giao dịch, giới thiệu việc làm trên địa bàn huyện, thu hút nhiều lao động nông thôn tham gia. Trong 05 năm qua đã giải quyết việc làm cho 9.329 lao động, đạt 103,6% kế hoạch, góp phần tạo sinh kế, thu nhập cho người dân, từng bước vươn lên thoát nghèo, tránh xa được các tệ nạn xã hội.

---

<sup>3</sup> Có 47 Trường mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và 03 Trường THPT, giảm 05 trường so với năm 2015 (do thực hiện việc sáp nhập)

*2.3. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.*

Thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới; Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Tỉnh Ủy, Huyện ủy và Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, quy hoạch sắp xếp, bố trí cán bộ là người DTTS trên địa bàn huyện trong giai đoạn 2016-2021; Huyện đã triển khai thực hiện và đạt được những kết quả như sau:

- *Thực hiện các chính sách quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS:* Tuyển dụng CCVC cấp huyện (từ năm 2016-2020): Trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng hàng năm của UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức tuyển dụng được 136 người (công chức: 11 người; viên chức 125 người), trong đó dân tộc thiểu số: 27 (công chức: 01 người; viên chức: 26 người). Riêng năm 2020, UBND tỉnh đã ủy quyền cho UBND huyện thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo đúng quy định về công tác cán bộ (huyện đã bố trí 20% trong tổng số chỉ tiêu tuyển dụng để ưu tiên tuyển dụng người DTTS là người Jrai, Bahnar).

- *Tuyển dụng công chức cấp xã:* Thực hiện các quyết định của UBND tỉnh quy định về việc tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn. Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai các quy trình, thủ tục đúng quy định. Trong giai đoạn 2015-2020 đã tuyển dụng: 11 người, trong đó có 03 người DTTS.

- *Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức người DTTS:* Kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC người DTTS (cấp huyện, xã): Trong 05 năm (2016-2020) huyện đã cử hơn 200 lượt CBCCVC người dân tộc thiểu số tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, lý luận chính trị, kiến thức quản lý Nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ....., cụ thể như sau:

+ Các lớp đào tạo chuyên môn: Cấp huyện: 0 (do tỉnh quyết định); Cấp xã: 09 người. Trong đó: Đại học 09 người.

+ Lý luận chính trị: Cấp huyện: 0 (do Huyện ủy Quyết định); Cấp xã: Trung cấp lý luận chính trị 07 người.

+ Bồi dưỡng tin học: 76 người.

+ Quản lý Nhà nước: 58 người.

+ Các lớp bồi dưỡng khác: Cấp huyện: 60; Cấp xã: 30 người.

- *Về nâng cao tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số:* Trên cơ sở Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai đã ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ công chức DTTS đáp ứng yêu cầu mới, kết quả cụ thể như sau:

+ Cơ quan, đơn vị cấp huyện: Khối hành chính: Tổng số chỉ tiêu biên chế công chức hành chính được giao năm 2021 là 79 chỉ tiêu. Hiện có mặt đến ngày 30/9/2021 là 72/79 biên chế. Trong đó có 07 CBCC là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 9,72%. Số CBCC hiện giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là 04 người. Khối sự nghiệp: Tổng số chỉ tiêu người làm việc được giao năm 2021 là 1.238 chỉ tiêu. Hiện có mặt đến ngày 30/9/2021 là 1.239/1.328 biên chế. Trong đó có 157 viên chức là

người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 12,67%. Số viên chức người DTTS hiện giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là 06 người

+ Cấp xã, thị trấn: có 07/13 xã, thị trấn đảm bảo tỷ lệ bố trí cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số theo quy định.

- Về tỷ lệ công chức người dân tộc thiểu số của phòng Dân tộc: Hiện có 01/03 biên chế được giao, chiếm 33,33%.

- Nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị: Cấp huyện có là 10/164, chiếm 6,1%, chưa đạt so với tỷ lệ tối thiểu là 20%. Cấp xã: có là 69/98, chiếm 70,41%, vượt 40,41% so với tỷ lệ tối thiểu là 30%.

- Về triển khai có hiệu quả các chính sách về đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số: Qua triển khai tổng hợp danh sách cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu hoặc thuộc diện quy hoạch được cử đi đào tạo sau đại học thì không có trường hợp cán bộ, công chức nào là người DTTS đăng ký theo học.

### **III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Đánh giá chung**

Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, huyện đã có nhiều chủ trương giải pháp và tập trung nhiều nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTS và đã đạt được một số kết quả quan trọng; kinh tế xã hội không ngừng phát triển; tỷ lệ hộ nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm giảm nhanh; trình độ dân trí, chất lượng nguồn lao động, chất lượng khám chữa bệnh BHYT ngày càng được nâng lên; chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học từng bước được nâng cao; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi ra lớp cơ bản đạt theo chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi giảm mạnh; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số ngày càng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng; Công tác đào tạo nghề bước đầu mang lại hiệu quả. Kiến thức sản xuất, trình độ học vấn, hiểu biết pháp luật của người dân được nâng lên, điều kiện chăm sóc sức khỏe ngày càng tốt hơn. An sinh xã hội được đảm bảo, tình hình chính trị, quốc phòng an ninh được giữ vững, đảm bảo ổn định đời sống cho người dân và xây dựng nông thôn mới.

2. Đánh giá tình hình thực hiện cụ thể của từng chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu (*thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và những vấn đề còn tồn tại*).

- Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở cấp cơ sở vẫn còn có những hạn chế nhất định (do còn hạn chế cả về nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế); Còn tình trạng tảo hôn, phụ nữ sinh con sớm hơn so với tuổi quy định nên nhiều bà mẹ, trẻ sơ sinh chưa được chăm sóc ban đầu tốt nhất.

- Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, tuy nhiên vẫn còn tình trạng học sinh DTTS bỏ học do không theo kịp chương trình, do tảo hôn và điều kiện gia đình khó khăn; một số chính sách thu hút đối với giáo viên công tác tại vùng DTTS, vùng biên giới bị cắt, nên xảy ra tình trạng thiếu giáo viên ở các khu vực này.

- Tác phong lao động của người DTTS vẫn còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế, nhất là công tác xuất khẩu lao động; nguồn kinh phí đào tạo nghề chủ yếu dựa vào ngân sách Trung ương hỗ trợ. Số lượng học nghề phi

nông nghiệp gắn với giải quyết việc làm tại các doanh nghiệp chưa nhiều; chưa tạo mối liên hệ gắn kết giữa các cơ sở dạy nghề và các doanh nghiệp trong đào tạo, giải quyết việc làm và giải quyết sản phẩm đầu ra.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc có nơi còn chưa thật sự đảm bảo. Một số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số thiếu nguồn cán bộ quy hoạch vì nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số để có thể đáp ứng được các yêu cầu còn hạn chế.

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

##### **1. Phương hướng chung**

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm nâng cao dân trí, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số; ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó tập trung phát triển cơ sở hạ tầng về y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi; hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các hộ nghèo phát triển sản xuất; giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội trong vùng đồng bào DTTS.

- Triển khai thường xuyên các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục và tư vấn với nội dung, hình thức phù hợp từng nhóm đối tượng, với phong tục và trình độ nhận thức của người dân tộc thiểu số, tạo môi trường thuận lợi về chính sách, nguồn lực và dư luận xã hội thúc đẩy mỗi gia đình, cá nhân và cộng đồng chủ động thực hiện chính sách Dân số kế hoạch hóa gia đình, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trong vùng đồng bào DTTS, nhất là dịch bệnh Covid-19, bệnh bạch hầu và các loại dịch bệnh khác.

- Tổ chức thực hiện tốt cơ chế, chính sách thu hút, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao năng lực thực tiễn trong công tác và tạo điều kiện thuận lợi trong phân bố, sử dụng hiệu quả, nâng cao về số lượng và chất lượng đối với cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số. Xây dựng cơ chế tuyển dụng đối với người dân tộc thiểu số về công tác tại khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số; chính sách phù hợp với đặc thù của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

2. Đề xuất giải pháp cụ thể nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2021-2025 và 2025-2030.

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 4506/KH-UBND ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2021; Chương trình MTQG phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào DTTS và Miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn, giảm học phí, chính sách tín dụng học sinh, sinh viên. Tăng cường trang thiết bị để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy-học. Đẩy nhanh tiến độ

xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; duy trì tốt công tác phổ cập tiểu học và trung học cơ sở.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nhất là lao động là người đồng bào DTTS trong điều kiện vừa phát triển kinh tế vừa phòng chống dịch Covid-19; Phối hợp các ngành liên quan mở các phiên giao dịch việc làm, cung cấp thông tin cung – cầu lao động để người lao động tự tìm kiếm việc làm phù hợp.

- Nâng cao nhận thức của đồng bào DTTS về vệ sinh phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, loại trừ dần những tập tục, thói quen lạc hậu, xây dựng lối sống lành mạnh ở từng cá nhân, gia đình và cộng đồng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho đồng bào DTTS, tăng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ chăm sóc y tế cơ bản; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho đồng bào DTTS và số đối tượng yếu thế.

Trên đây là báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/9/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030, của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai./.

**Nơi nhận:**

- Ban Dân tộc (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- CVP, các Phó CVP;
- Các cơ quan liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, DT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đỗ Văn Đông**



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU  
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 52/NQ-CP**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2021 của UBND huyện Ia Grai)

STT	Chỉ tiêu đối với đồng bào DTTS	Chỉ số đầu năm 2016	Chỉ tiêu đạt được năm 2020	Chỉ tiêu đạt được năm 2021 (nếu có)	Kết quả đạt được so với NQ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu về thể lực</b>					
1	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 01 tuổi người DTTS.	14,5 %		14,3%	Vượt	
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng, thấp còi trẻ em DTTS dưới 5 tuổi	17,4%		8,5%	Vượt	
3	Tuổi thọ bình quân của các DTTS.	73	73		Đạt	
<b>II</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu về trí lực</b>					
1	Tỷ lệ trẻ em DTTS trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại nhà trẻ	25%	26,7%		Vượt	
2	Tỷ lệ trẻ em DTTS trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non	75%	94,1%		Vượt	
3	Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc tiểu học	94%	99,7%		Vượt	
4	Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc trung học cơ sở	93%	96,3%		Vượt	
5	Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc trung học phổ thông	50%	63%		Vượt	

6	Sinh viên dân tộc thiểu số học Cao đẳng, Đại học/ Vạn dân	130		130	Đạt	
7	Tỷ lệ sinh viên dân tộc thiểu số được đào tạo sau đại học	0,4	0		Chưa đạt	tính điều chỉnh chính sách
8	Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo chương trình giáo dục nghề nghiệp	50%	55%		Vượt	
9	Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được cung cấp thông tin thị trường	70%	70%		Đạt	